TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƯ THANH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 30/5/2025
V/v ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ THANH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Huy

Các Hội thẩm nhân dân:1. Ông Nguyễn Ngọc Thắng
2. Nguyễn Văn Len

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa

Ngày 30 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 27/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2025 về việc ly hôn, nuôi con chung.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/5/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lương Thị T** - Sinh năm 2003.
Nơi ĐKHKTT: Thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa
Chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.
Có đơn xin xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh **Ngân Văn B** - Sinh năm 1995.
Địa chỉ:Tthôn H, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.
Có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày* 18/3/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lương Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh N Văn Bằng tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa ngày 13/12/2021. Sau khi kết hôn một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do: Tính cách không hợp, quan điểm sống không giống nhau nên vợ chồng thường xảy ra xung đột, to tiếng, xúc phạm nhau; vợ chồng đã tìm cách hòa giải nhưng không có kết quả; ngược lại, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Không chịu được đời sống chung với anh B

nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ giữa năm 2023 và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng; đời sống chung thực tế đã không còn nên chị Lương Thị T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Như Thanh giải quyết cho chị được ly hôn anh Ngân Văn B.

Về con chung: Chị và anh N Văn Bằng có 01 con chung là cháu Ngân Minh Q, sinh ngày 18/01/2021. Hiện cháu phát triển bình thường về thể chất và trí tuệ và đang chung sống cùng với anh B. Khi ly hôn chị đề nghị anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q. Do chị chưa có chỗ ở riêng; bản thân lại không có công việc và thu nhập ổn định nên chị không có điều kiện để cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh B

Về tài sản và công nợ: Chị Lương Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện và bản tự khai, chị Lương Thị T còn nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao Giấy khai sinh cháu Ngân Minh Q; Giấy xác nhận về nơi cư trú của vợ chồng, Căn cước công dân của chị (bản sao có chứng thực); Biên lai thu tiền tạm ứng án phí và Đơn xin xử vắng mặt.

***** *Tại Bản tự khai ngày 08/5/2025,* bị đơn là anh Ngân Văn B thừa nhận cơ sở kết hôn và tình trạng hôn nhân của vợ chồng đúng như chị T đã trình bày trình bày. Anh xét thấy vợ chồng sống ly thân đã 02 năm mà không thể hàn gắn nên anh đồng ý ly hôn chị Lương Thị T. Về con chung, anh B công nhận số con chung của vợ chồng như chị T đã trình bày. Khi ly hôn, anh B đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Ngân Minh Q và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Về tài sản và công nợ, anh Bằng K yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo bản tự khai, anh B còn nộp cho Tòa án Giấy xin xét xử vắng mặt; trong đơn anh giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong Bản tự khai đã nộp cho Tòa án.

***** *Tại phiên tòa:* Chị Lương Thị T và anh Ngân Văn B đều có đơn xin xử vắng mặt.

Phần tranh luận: Không ai có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các bên đương sự là về ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện N, tỉnh Thanh Hóa nên Tòa án nhân dân huyện Như Thanh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho nguyên đơn, bị đơn các văn bản tố tụng của Tòa án, trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị T và anh B đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật TTDS Tòa án huyện N tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh B.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị T và anh N Văn Bằng tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 13/12/2021 nên hôn nhân giữa chị T và anh B là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2023. Nguyên nhân do: Tính cách không hợp, quan điểm sống không giống nhau nên vợ chồng thường xảy ra xung đột, to tiếng, xúc phạm nhau. Chị T và anh B đã sống ly thân từ giữa năm 2023 đến nay. Chứng tỏ tình trạng vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, nghĩ nên cho chị T được ly hôn anh B là phù hợp với quy định tại Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị Lương Thị T và anh N Văn Bằng có 01 con chung là Ngân Minh Q, sinh ngày 18/01/2021. Chị T, anh B đều yêu cầu giao cho anh B trực tiếp nuôi cháu Q, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh B. Xét thấy yêu cầu của chị T trùng khớp với nguyện vọng của anh B, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị T và anh B là phù hợp.

[5] Về tài sản và công nợ: Chị Lương Thị T và anh Ngân Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] *Về án phí:* Lương Thị T là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo, kháng nghị:* Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định tại các Điều 271; 273; 278; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào: Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị T, cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Xử cho chị Lương Thị T được ly hôn anh Ngân Văn B.

Về con chung: Giao cho anh N Văn Bằng trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung của anh và chị Lương Thị T là cháu Ngân Minh Q, sinh ngày 18/01/2021. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh B.

Chị T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Lương Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền án phí chị T phải chịu được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0003600 ngày 03/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa; chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định tại các Điều 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh;
- UBND xã Thanh Tân;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THA DS huyện Như Thanh (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Đình Huy